TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 20-11-2018
V/v tranh chấp: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn
2. Bà Trần Thị Ngọc Thịnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Như-Thư ký Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thanh Tài-Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 426/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1994, có mặt.

Địa chỉ: Xóm KH, thôn CL, xã TK, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn N, sinh năm 1989, có mặt.

Địa chỉ: Xóm KT, thôn CL, xã TK, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14-9-2018, bản tự khai ngày 04-10-2018, biên bản hòa giải ngày 26-10-2018 và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Võ Văn N tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi vào ngày 13-7-2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian. Sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tính không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông N hay nhậu nhẹt, chửi bới, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà và cha mẹ của bà. Ngày 05/9/2018, ông N gây gỗ và đánh đuổi bà ra khỏi nhà. Nay bà thấy không còn tình cảm với ông Võ Văn N nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Văn N.

Về con chung: Có 01 con chung là Võ Kiến An, sinh ngày 31-10-2015. Hiện nay cháu An đang ở với cha mẹ. Khi ly hôn bà N yêu cầu được nuôi dưỡng cháu An và không yêu cầu ông Võ Văn N cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay bà đang làm việc ở bến cá, thu nhập hàng tháng khoảng 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai ngày 04-10-2018, ngày 18-10-2018, biên bản hòa giải ngày 26-10-2018 và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Võ Văn N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị N tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi vào ngày 13-7-2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian. Thời gian gần đây phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng có cãi nhau dẫn đến việc bà N viết đơn ly hôn. Ông vẫn còn thương vợ con, vợ chồng mâu thuẫn không đến mức phải ly hôn, bản thân ông không rượu chè, cờ bạc, không làm điều gì sai trái. Vì những lý do trên, ông không đồng ý ly hôn với bà N, đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng được đoàn tụ, cùng nhau nuôi con.

Về con chung: Có 01 con chung là Võ Kiến An, sinh ngày 31-10-2015. Hiện nay cháu An đang ở với cha mẹ. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, ông giao cháu An cho bà Phạm Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 97, Điều 196, Điều 203, Điều 208, Điều 211, Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa, đã tuân theo đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị N. Bà Phạm Thị N ly hôn ông Võ Văn N. Về con chung: Giao cháu Võ Kiến An, sinh ngày 31-10-2015 cho bà Phạm Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Võ Văn N không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có và không cho ai vay mượn tài sản. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà N phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị N và ông Võ Văn N tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 13-7-2015 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống có 01 con chung. Trong quá trình sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do ông N hay uống rượu bia về nhà gây gỗ xúc phạm danh dự, nhân phẩm bà N và cha mẹ bà N, bà N và ông N không sống chung từ tháng 09-2018 đến nay (bút lục 12). Từ đó, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Võ Văn N, tại phiên tòa sơ thẩm ông N thừa nhận có uống rượu bia về xúc phạm bà N, ông không đồng ý ly hôn vì ông vẫn còn thương vợ con nhưng ông N không có giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy lý do xin ly hôn của bà N chính đáng, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông N đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị N, bà Phạm Thị N ly hôn ông Võ Văn N.

[2] Về con chung: Bà N và ông N có 01 con chung là Võ Kiến An, sinh ngày 31-10-2015. Hiện nay cháu An đang ở với cha mẹ, cháu An sức khỏe tốt, còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi cần sự chăm sóc của mẹ, bà N làm nghề cá có thu nhập ổn định. Để bảo đảm quyền lợi chính đáng của cháu An, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu An cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông N có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở. Bà N không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử giải thích cho bà N hiểu rằng việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của con để bà N biết, nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con, nhưng bà N vẫn không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không buộc N cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà N, ông N đều trình bày không có.

[4] Về nợ chung: Bà N, ông N đều trình bày không có và không cho ai vay mượn tài sản.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Phạm Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[7] Với những nhận định trên là phù hợp với ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị N.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị N được ly hôn ông Võ Văn N.

2/ Về con chung: Bà Phạm Thị N và ông Võ Văn N có 01 con chung là Võ Kiến An, sinh ngày 31-10-2015. Hiện nay cháu An đang ở với cha mẹ. Giao cháu Võ Kiến An cho bà Phạm Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Võ Văn N không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung: Bà Phạm Thị N và ông Võ Văn N đều trình bày không có.

4/ Về nợ chung: Bà Phạm Thị N và ông Võ Văn N đều trình bày không có và không cho ai vay mượn tài sản.

5/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà N đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000061 ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

6/ Về thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn bà Phạm Thị N, bị đơn ông Võ Văn N có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- UBND xã Tịnh Khê, TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

ĐÃ KÝ

Trà Thanh Tùng